

Bản án số: 96/2024/DS-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-DS ngày 10/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2024/QĐDS-DS ngày 19 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P Đ; Địa chỉ trụ sở: Số 41 và số 45 L D, phường B N, quận 1, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, chức vụ: Giám đốc bán lẻ Phòng Giao dịch Sơn Trà.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: bà Phan Lê Thu T - chức vụ: Nhân viên chính thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP P Đ; địa chỉ: 34-36 Q T, quận H C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* ông Đỗ Tấn Anh V, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 23, phường H P, quận C L, thành phố Đà Nẵng và bà Nguyễn Trần Tú Minh M, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 20 phường H C N, quận H C, thành phố Đà Nẵng; (ông V có mặt; bà M vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Tấn C, sinh năm 1961 và bà Bùi Huỳnh Kim C, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: Tổ 23, phường H P quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (ông C, bà C vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày, các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP P Đ và ông Đỗ Tấn Anh V, bà Nguyễn Trần Tú Minh M đã ký kết các hợp đồng tín dụng cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số: 0114/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/07/2022; Khế ước nhận nợ số 0114.01/2022/KUNN-OCB-CN ngày 14/7/2022; Khế ước nhận nợ số 0114.02/2022/KUNN-OCB-CN ngày 18/7/2022; Khế ước nhận nợ số 0114.03/2022/KUNN-OCB-CN ngày 20/7/2022; Khế ước nhận nợ số 0114.04/2022/KUNN-OCB-CN ngày 23/07/2022 và Khế ước nhận nợ số 0114.05/2022/kunn-OCB-CN: Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng

Hợp đồng tín dụng số 0068/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 24/06/2023 và Khế ước nhận nợ số 0068.01/2023/KUNN-OCB-CN ngày 6/7/2023. Số tiền vay: 300.000.000 (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng).

Hợp đồng tín dụng số 0132/2023/PST/HĐTD-CN ngày 29/11/2023 và Khế ước nhận nợ số 0132.01/2023/PST/KUNN-CN ngày 29/11/2023; Khế ước nhận nợ số 0132.02/2023/PST/KUNN-CN ngày 20/02/2023. Số tiền vay: 440.000.000 đồng.

Ngoài ra ông Đỗ Tấn Anh V ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CH28072022 ngày 28/07/2022, hạn mức: 100.000.000 đồng tại Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 154; Tờ bản đồ số: 30; Diện tích: 905m<sup>2</sup> (Chín trăm linh năm mét vuông). Mục đích sử dụng đất: Đất ở: 850,4m<sup>2</sup>; đất trồng cây hàng năm: 56,4m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; đất trồng cây hàng năm khác: sử dụng đến tháng 12/2046; Địa chỉ: Tổ 23, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 912860, vào sổ cấp GCN số CTs 224353 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/08/2021, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C.

Tài sản bảo đảm đã được công chứng thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm số 0014/2022/BĐ ngày 12/07/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0114/2022/BĐ/SĐBS-01 ngày 24/06/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0114/2022/BĐ/SĐBS-02 ngày 29/11/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Từ thời điểm nhận nợ cho đến nay ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M đã liên tiếp vi phạm các kỳ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M không trả nợ đúng kỳ hạn cho Ngân hàng nhưng bị đơn không thiện chí.

Khoản vay này Ngân hàng chưa bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

Tính đến ngày 26/09/2024, tổng dư nợ của ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M tại Ngân hàng TMCP P Đ là: 5.952.697.362 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.603.179.596 đồng; Nợ lãi: 245.929.039 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 103.943.417 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M trả khoản nợ là: 5.849.108.635 đồng (trong đó: Nợ gốc: 5.603.179.596 đồng; nợ lãi: 245.929.039 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26/9/2024). Yêu cầu ông Đỗ Tấn Anh V phải trả khoản nợ tiền thẻ tín dụng là 103.943.417 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26/9/2024 cho Ngân hàng TMCP P Đ và tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 27/09/2024 cho đến khi ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P Đ. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay khi Quyết định Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nếu trường hợp ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M không trả tiền thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 106/2020/22000/08.1.HĐTC/060 ngày 25/05/2020 và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo để thu hồi nợ.

*\* Tại phiên hoà giải và phiên toà, bị đơn ông Đỗ Tấn Anh V trình bày:* Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải trả cho Ngân hàng số tiền là: 5.849.108.635 đồng (trong đó: Nợ gốc: 5.603.179.596 đồng; nợ lãi: 245.929.039 đồng và ông Đỗ Tấn Anh V còn nợ Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng: 103.943.417 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26/9/2024 cho Ngân hàng TMCP P Đ và tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng. Hiện nay gia đình ông quá khó khăn không thể trả dứt điểm một lần số tiền trên nên đề nghị Ngân hàng gia hạn thêm thời gian 4 đến 6 tháng để gia đình bán nhà trả nợ cho Ngân hàng.

*\* Bà Nguyễn Trần Tú Minh M, ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C không có ý kiến trong hồ sơ vụ án.*

*\* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của BLTTDS. Riêng bị đơn bà Nguyễn Trần Tú Minh M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P Đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Giữa Ngân hàng TMCP P Đ và ông Đỗ Tấn Anh V, bà Nguyễn Trần Tú Minh M có ký kết các Hợp đồng tín dụng. Do ông bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ. Do đó, HĐXX xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền:

Bị đơn ông Đỗ Tấn Anh V có địa chỉ thường trú tại: tổ 23, phường Hoà Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Trần Tú Minh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C vẫn vắng mặt và không có lý do về việc vắng mặt. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông C và bà C.

[2] *Về nội dung khởi kiện*: Ngân hàng TMCP P Đ và ông Đỗ Tấn Anh V, bà Nguyễn Trần Tú Minh M có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 0114/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/07/2022; Hợp đồng tín dụng số 0068/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 24/06/2023; Hợp đồng tín dụng số 0132/2023/PST/HĐTD-CN ngày 29/11/2023. Ngoài ra ông Đỗ Tấn Anh V còn ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CH28072022 ngày 28/07/2022 tại Ngân hàng. Xét nội dung hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 117 Bộ luật Dân sự và các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch và được pháp luật công nhận, bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Hợp đồng tín dụng số: 0114/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/07/2022, thời hạn 300 tháng; Hợp đồng tín dụng số 0068/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 24/06/2023, thời hạn vay 120 tháng; Hợp đồng tín dụng số 0132/2023/PST/HĐTD-CN ngày 29/11/2023, thời hạn vay 120 tháng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, quy định cụ thể mức lãi suất và nghĩa vụ của các bên khi tham gia ký kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 26/9/2024 ông V và bà M đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 136.820.404 đ; tiền lãi là 998.329.895 đồng. Bắt đầu từ kỳ thanh toán ngày 10/6/2024 ông V, bà M đã không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ tại điểm g Điều 8 của Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng. Mặc dù khoản vay trên chưa đến hạn nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông V, bà M đã vi phạm phân kỳ trả nợ. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện ông T, bà M thanh toán toàn bộ số tiền nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 0114/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/07/2022 ông V, bà trả tiền gốc là: 96.693.400đ và tiền lãi là: 956.277.435đ. Hợp đồng tín dụng số 0068/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 24/06/2023 ông Tú bà Minh đã trả tiền gốc 25.000.000 đ; tiền lãi là: 28.842.443 đ. Hợp đồng tín dụng số 0132/2023/PST/HĐTD-CN ngày 29/11/2023 ông T, bà M đã trả gốc là 15.127.000đ; tiền lãi 14.929.980 đ là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Ngoài ra ông Đỗ Tấn Anh V còn ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CH28072022 ngày 28/07/2022, hạn mức thẻ 100.000.000 đồng tính đến ngày 26/9/2024, tổng dư nợ thẻ của ông Đỗ Tấn Anh V là: 103.943.417 đồng. Trong đó nợ gốc: 90.532.895 đ; nợ lãi: 12.610.522 đ; phí chậm trả 800.000 đ.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải thanh toán số nợ là: 5.849.108.635 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.603.179.596 đồng; nợ lãi: 245.929.039 đồng. Riêng ông Đỗ Tấn Anh V còn nợ tiền thẻ tín dụng: 103.943.417 đồng (tiền lãi tính đến ngày 26/9/2024) cho Ngân hàng TMCP P Đ và tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 27/09/2024 cho đến khi ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P Đ. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay khi Quyết định Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

HĐXX xét thấy, ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M đã vi phạm các thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số: 0114/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/07/2022; Hợp đồng tín dụng số 0068/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 24/06/2023; Hợp đồng tín dụng số 0132/2023/PST/HĐTD-CN ngày 29/11/2023. Tại phiên tòa, ông Đỗ Tấn Anh V thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên

HĐXX chấp nhận.

Đối với Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CH28072022 ngày 28/07/2022, hạn mức thẻ 100 triệu đồng ký kết giữa Ngân hàng TMCP P Đ với ông Đỗ Tấn Anh V tính đến ngày 26/9/2024 tổng dư nợ thẻ của ông Đỗ Tấn Anh V là: 103.943.417 đồng. Trong đó nợ gốc: 90.532.895 đ; nợ lãi: 12.610.522 đ; phí chậm trả 800.000 đ. Trong quá trình sử dụng thẻ ông Đỗ Tấn Anh V đã vi phạm điều khoản thanh toán theo hợp đồng tín dụng thẻ đã ký kết với Ngân hàng. Để đảm bảo quyền và lợi hợp pháp cho Ngân hàng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Đỗ Tấn Anh V phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ thẻ trên cho ngân hàng là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp, HĐXX xét thấy: Để đảm bảo cho khoản vay trên của ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M, ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 154; Tờ bản đồ số: 30; Diện tích: 905 m<sup>2</sup> (Chín trăm linh năm mét vuông). Mục đích sử dụng đất: Đất ở: 850,4m<sup>2</sup>; đất trồng cây hàng năm: 56,4m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; đất trồng cây hàng năm khác: sử dụng đến tháng 12/2046; Địa chỉ: Tổ 23, Phường Hòa Phát, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 912860, vào sổ cấp GCN số CTs 224353 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/08/2021, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C theo Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0014/2022 ngày 12/07/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0114/2022/BĐ-01 ngày 24/6/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0114/2022/BĐ-02 ngày 29/11/2023. Việc đăng ký tài sản đảm bảo và ký kết hợp đồng thế chấp của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung thế chấp và hình thức thế chấp nên có hiệu lực thi hành và phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 298, 317, 401 Bộ luật Dân sự nên Hợp đồng thế chấp nêu trên được pháp luật công nhận vào bảo vệ. Do ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M không thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nên tài sản thế chấp được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng theo quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 303 Bộ luật Dân sự và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Nguyên đơn xác định hiện Ngân hàng đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 912860, vào sổ cấp GCN số CTs 224353 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/08/2021 nên trong trường hợp ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ

thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bảng chính giấy chứng nhận đăng ký cho ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự: ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải chịu số tiền án phí 113.849.108 đồng.

Án phí DSST về nợ tiền thế tín dụng ông V phải chịu là: 5.197.170đ.

Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 56.906.491đ đã nộp tại biên lai thu số 0001803 ngày 01/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[10] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải chịu. Ngân hàng đã nộp và đã chi xong nên buộc ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 157, 158, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P Đ đối với ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M .

**Xử:**

1. Buộc ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P Đ số tiền là 5.849.108.635đ (Năm tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu một trăm lẻ tám ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc 5.603.179.596 đồng và nợ lãi là: 245.929.039 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26/9/2024).

Kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M còn phải chịu mức lãi suất theo mức lãi suất đã ký tại Hợp đồng tín dụng số: 0114/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/07/2022; Hợp đồng tín dụng số 0068/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 24/06/2023; Hợp đồng tín dụng số 0132/2023/PST/HĐTD-CN ngày 29/11/2023 giữa Ngân hàng với ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M.

2. Buộc ông Đỗ Tấn Anh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P Đ số tiền sử dụng thẻ là 103.943.417đ (Một trăm lẻ ba triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn, bốn trăm mười bảy đồng) Trong đó nợ gốc: 90.532.895 đồng; Nợ lãi: 12.610.522 đồng và phí chậm trả: 800.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26/9/2024).

Kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Tấn Anh V còn phải chịu mức lãi suất theo mức lãi suất đã ký tại với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số CH28072022 ngày 28/07/2022 giữa Ngân hàng với ông Đỗ Tấn Anh V.

3. **Về xử lý tài sản thế chấp:** Trường hợp ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 154; Tờ bản đồ số: 30; Diện tích: 905 m<sup>2</sup> (Chín trăm linh năm mét vuông). Mục đích sử dụng đất: Đất ở: 850,4m<sup>2</sup>; đất trồng cây hàng năm: 56,4m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; đất trồng cây hàng năm khác: sử dụng đến tháng 12/2046; Địa chỉ: Tổ 23, Phường Hòa Phát, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 912860, vào sổ cấp GCN số CTs 224353 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/08/2021, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C sẽ được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP P Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P Đ thì Ngân hàng phải hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 912860, vào sổ cấp GCN số CTs 224353 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/08/2021 cho ông Đỗ Tấn C và bà Bùi Huỳnh Kim C .

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải chịu số tiền án phí 113.849.108 đồng.

Án phí DSST về nợ tiền thế tín dụng ông V phải chịu là: 5.197.170đ.

Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 56.906.491đ đã nộp tại biên lai thu số 0001803 ngày 01/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

**4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải chịu. Ngân hàng đã nộp và đã chi xong nên buộc ông Đỗ Tấn Anh V và bà Nguyễn Trần Tú Minh M phải trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Văn Nhớ**



